

Trao đổi KHKT - Hoạt động ngành

TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT VÀ KIỂM DỊCH, VỆ SINH THÚ Y 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Nguồn từ Cục Thú y)

I. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

1. Dịch bệnh động vật trên cạn

Dịch cúm gia cầm

Cúm A/H5N1, A/H5N6

Trong 6 tháng đầu năm 2018, có 1 ổ dịch cúm A/H5N6 tại thành phố Hải Phòng, với tổng cộng 3.000 con gà mắc bệnh và buộc phải tiêu hủy.

So với cùng kỳ năm 2017, số xã có dịch giảm 37 lần, số huyện có dịch giảm 30 lần, số tỉnh có dịch giảm 19 lần; số gia cầm mắc bệnh và tiêu hủy giảm 21,6 lần. Ngoài ra, một số hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ có gia cầm nhiễm bệnh đã được phát hiện và xử lý kịp thời, ngăn chặn dịch lây lan.

Nhận định: Ổ dịch CGC xảy ra trên đàn gia cầm nuôi nhỏ lẻ, do mua gà không rõ nguồn gốc và đã được địa phương phát hiện, xử lý kịp thời nên không lây lan, ổ dịch đều đã được kiểm soát.

Giám sát: Tổng cộng đã lấy được 1.934 mẫu xét nghiệm. Kết quả: 465 mẫu (24,04%) dương tính với cúm A; 21 mẫu (2,80% tổng số mẫu) dương tính với virus cúm A/H5; 13 mẫu (2,80%) dương tính với virus cúm A/H5N1; 12 mẫu (2,58%) dương tính với virus cúm A/H5N6 và 7 mẫu dương tính với virus cúm A/H7, nhưng tất cả 7 mẫu này âm tính với virus cúm A/H7N9.

Dịch bệnh lở mồm long móng (LMLM)

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, cả nước đã xảy ra 9 ổ dịch LMLM tại 3 huyện của tỉnh Sơn La, làm 612 con gia súc mắc bệnh.

So với cùng kỳ năm 2017, mặc dù dịch xuất hiện tại 1 tỉnh, nhưng số lượng ổ dịch và mức độ dịch có cao hơn. Ngoài ra, có một số hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ có gia súc nhiễm bệnh đã được phát hiện và xử lý kịp thời.

Nhận định: Các ổ dịch chủ yếu xảy ra trên đàn gia súc chưa được tiêm phòng vacxin LMLM hoặc đàn gia súc được vận chuyển đến vùng có ổ dịch cũ. Do đó, các địa phương thuộc khu vực có nguy cơ cao, đặc biệt các địa phương có dự án cung ứng con giống gia súc, xóa đói giảm nghèo cần tăng cường giám sát, phát hiện sớm ổ dịch, tổ chức tiêm phòng vacxin LMLM, kiểm soát chặt việc vận chuyển gia súc, quản lý giết mổ gia súc theo quy định.

Tình hình dịch tai xanh trên lợn

Trong 6 tháng đầu năm 2018, cả nước chỉ xảy ra 1 ổ dịch tai xanh trên lợn tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Cục Thú y đã chỉ đạo Chi cục Thú y vùng III phối hợp với các cơ quan của địa phương tổ chức xử lý ổ dịch, không để lây lan, phát sinh ổ dịch mới.

Nhận định: Trong thời gian tới, có thể xuất hiện các ổ dịch nhỏ lẻ trên địa bàn có ổ dịch cũ và ở khu vực có nguy cơ cao.

Tình hình dịch bệnh dại

Trong 6 tháng đầu năm 2018, cả nước có 37 ổ dịch dại gây tử vong trên người (37 ca) tại 19 tỉnh, giảm 4 ổ dịch (4 ca) so với 6 tháng đầu năm 2017.

Theo thống kê ghi nhận, tính đến tháng 6/2018: Tổng đàn chó của cả nước là 5,4 triệu con; số hộ nuôi chó 3,5 triệu hộ; số chó đã được

tiêm phòng là 2,1 triệu con (39%); số người bị chó cắn, phải đi điều trị dự phòng là trên 100 nghìn người.

Nhận định: Nguy cơ bệnh dại tiếp tục xuất hiện trong thời gian tới là rất cao, do công tác quản lý đàn chó nuôi của nhiều địa phương chưa được thực hiện tốt, cụ thể: chưa thống kê, không có báo cáo về số hộ nuôi chó, tổng đàn chó; tỷ lệ tiêm phòng vaccin dại cho đàn chó nuôi đạt thấp.

Ngoài ra, còn có một số dịch bệnh gia súc, gia cầm khác cũng đã xảy ra như: tụ huyết trùng trâu bò, gia cầm, phó thương hàn lợn, dịch tả vịt, CRD gà, Niu-cát-xơn trên gia cầm.

- Công tác chủ động phòng dịch bệnh động vật trên cạn;

- Chương trình, kế hoạch quốc gia chủ động phòng chống dịch bệnh;

- Tổ chức giám sát dịch bệnh, lập bản đồ dịch tễ, giải trình tự gen mầm bệnh, đánh giá sự biến đổi virus, đánh giá hiệu lực vaccin và thông báo cho các địa phương.

- Triển khai "Chương trình quốc gia giám sát bệnh CGC", tập trung vào chuỗi sản xuất gia cầm xuất khẩu, an toàn dịch bệnh đối với CGC.

- Tiêm phòng vaccin chủ động, phù hợp với lưu hành mầm bệnh tại địa phương; chọn đúng chủng loại vaccin có hiệu lực.

- Xây dựng phương án, chủ động đối phó với các diễn biến phức tạp của dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm.

- Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

- Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các chuỗi chăn nuôi an toàn dịch bệnh để xuất khẩu cho các công ty như Phú Gia, GreenFeed, Masan, Biển Đông,...

- Tổ chức thực hiện "Chương trình quốc gia giám sát bệnh CGC" nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, cả nước có 166 cơ sở chăn nuôi và 11 vùng được công nhận ATDB. Hiện nay, toàn quốc có 50 vùng (cấp

quận) và 1.092 cơ sở ATDB.

2. Tình hình dịch bệnh thủy sản

Trong 6 tháng đầu năm, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của các tỉnh bị thiệt hại là 16.577 ha, giảm gần 31,6% diện tích thiệt hại so với cùng kỳ năm 2017; ngoài ra có khoảng 628 bè, vèo và 18.944 lồng nuôi thủy sản.

2.1. Tình hình thiệt hại trên tôm nuôi nước lợ

Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ bị thiệt hại là 15.935 ha (giảm 22,17% so với cùng kỳ năm 2017). Tổng diện tích tôm nuôi bị bệnh là 4.802 ha (giảm 39% so với cùng kỳ năm 2017); không xác định nguyên nhân 3.330 ha, còn lại là do biến đổi môi trường, thời tiết (7.803 ha).

Bệnh đốm trắng

- Dịch bệnh xảy ra tại 189 xã của 59 huyện, thị xã thuộc 20 tỉnh, thành phố. Tỉnh Kiên Giang có diện tích bị bệnh lớn nhất (chủ yếu là tôm lúa, chiếm 26,1% tổng diện tích bị bệnh của các tỉnh), sau đó đến tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau và các địa phương khác.

- So với 6 tháng đầu năm 2017, bệnh xảy ra ở phạm vi hẹp hơn 22,22% và diện tích có tôm mắc bệnh giảm 33,86%.

Bệnh hoại tử gan-tụy cấp

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, bệnh xảy ra tại 168 xã của 51 huyện, thị xã thuộc 16 tỉnh, thành phố; tỉnh Sóc Trăng có diện tích bị bệnh lớn nhất (967 ha), chiếm 47,11% tổng diện tích bị bệnh của các tỉnh.

- So với 6 tháng đầu năm 2017, bệnh xảy ra ở phạm vi hẹp hơn 35,63% và diện tích có tôm mắc bệnh giảm 46%.

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, dịch bệnh trên tôm bị bệnh là 0,73% tổng diện tích đã thả nuôi (tỷ lệ này của năm 2017 là 1,26%).

2.2. Bệnh trên cá tra

- Dịch bệnh xảy ra tại 53 xã của 13 huyện tại 3 tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Vĩnh Long với diện tích thiệt hại là 122,16 ha.

- So với cùng kỳ năm 2017, thiệt hại trên cá

tra giảm 38,38% về diện tích.

Ngoài ra còn có thiệt hại trên các loài thủy sản khác như: cá chẽm, cá bớp, ngao/ngheo, hào, tôm hùm,...

Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh

Đã có 47 tỉnh, thành phố có kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản và bố trí nguồn vốn trên 68,9 tỷ đồng.

Xây dựng vùng, cơ sở ATDB và chuỗi cơ sở sản xuất tôm ATDB

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, các doanh nghiệp có kế hoạch cụ thể thực hiện xây dựng cơ sở ATDB.

- Hỗ trợ Tập đoàn Việt Úc xây dựng cơ sở ATDB đối với tôm giống và tôm thương phẩm theo tiêu chuẩn của OIE.

- Hỗ trợ tỉnh Bạc Liêu tổ chức xây dựng vùng đệm để tạo điều kiện xây dựng thành công chuỗi sản xuất tôm ATDB của Tập đoàn Việt Úc.

- Chuẩn bị các báo cáo kỹ thuật để gửi Cơ quan Thú y có thẩm quyền của Úc đánh giá, cử chuyên gia sang Việt Nam thẩm định chuỗi sản xuất ATDB.

Kết quả

- + Hiện nay, cả nước mới chỉ có 4 cơ sở nuôi cá chép Koi tại Tp. Hồ Chí Minh được Cục Thú y đánh giá, cấp chứng nhận ATDB đối với bệnh KHV và SVC.

- + Tập đoàn Việt Úc đã cơ bản hoàn thiện việc xây dựng cơ sở sản xuất tôm giống và cơ sở nuôi tôm thương phẩm đạt an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của OIE. Hiện nay, đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị đánh giá công nhận cơ sở sản xuất tôm giống đạt an toàn dịch bệnh.

- + Tỉnh Bạc Liêu tiếp tục thực hiện việc giám sát vùng đệm, kiểm soát tốt nên không để dịch bệnh xảy ra tại vùng đệm.

- + Một số doanh nghiệp khác như Tập đoàn Minh Phú, Công ty Trung Sơn cũng đã được Cục Thú y hướng dẫn xây dựng cơ sở ATDB;

tham gia Chương trình giám sát quốc gia để có cơ sở công nhận ATDB.

- + Đại diện Bộ Nông nghiệp Úc đã sang Việt Nam tìm hiểu về chuỗi sản xuất, trên cơ sở đó đã đề nghị Bộ này có văn bản chính thức gửi Việt Nam đánh giá cao năng lực kiểm soát dịch bệnh, năng lực xây dựng chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh và đã có đề xuất để Bộ Nông nghiệp Úc sớm cử đoàn đánh giá chính thức sang Việt Nam trong năm 2018.

II. KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

1. Động vật xuất khẩu, sản phẩm động vật xuất khẩu

Trong 6 tháng đầu năm 2018, gia súc, gia cầm xuất khẩu với số lượng không lớn và không biến động so với cùng kỳ 2017.

- Các sản phẩm xuất khẩu tăng:

- + Thịt gia cầm xuất khẩu đạt 13.739,14 tấn, tăng 194,16% so với cùng kỳ, nguyên nhân là do Việt Nam đã xuất khẩu được sang Nhật Bản - nước có yêu cầu cao nên đã làm cơ sở cho xuất khẩu tăng mạnh sang thị trường khác.

- + Mặt hàng sữa và sản phẩm chế biến từ sữa (sữa bột đóng hộp, sữa đặc có đường, sữa chua, bơ, phô mai,...) cũng đã bước đầu được xuất khẩu sang các nước và có bước tăng trưởng mạnh; đã xuất khẩu được 4967,74 tấn sữa và sản phẩm từ sữa, tăng 123,91%.

- + Trứng vịt muối, trứng cút đóng lon đạt 8,3 triệu quả, tăng 100,18% so với cùng kỳ 2017.

- + Thức ăn chăn nuôi bao gồm các sản phẩm trên cạn và thủy sản làm thức ăn chăn nuôi đạt 187.407,06 tấn, tăng 1,48% so với 6 tháng 2017.

- + Xuất khẩu lông vũ đã qua xử lý liên tiếp tăng từ 2016 đến nay, xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 đạt 3.667,20 tấn, tăng mạnh (275,74%) so với cùng kỳ 2017.

- Một số sản phẩm động vật giảm so với 2017: Xuất khẩu mật ong giảm 23,1% so với cùng kỳ 2017, đạt 12.386,61 tấn (cùng kỳ 2017 đạt 16.113,00 tấn); thịt lợn sữa đông lạnh 6 tháng đầu năm 2018 đạt 5.689,44 tấn, giảm

15,3% so với 6 tháng đầu năm 2017 (6.932,62 tấn) do năm 2017 tăng trưởng mạnh so với 2016 (tăng 87%).

2. Kết quả kiểm tra chất cấm

- Kết quả kiểm tra chất cấm (Salbutamol/ Clenbuterol) tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước:

+ Đối với mẫu nước tiểu tại cơ sở giết mổ: kết quả từ đầu năm đến nay không phát hiện mẫu nào dương tính với chất cấm trong 2.919 mẫu kiểm tra.

+ Đối với mẫu thịt: không phát hiện mẫu nào dương tính với chất cấm trong 250 mẫu kiểm tra.

Từ năm 2017 tới nay, không phát hiện mẫu nào dương tính với chất cấm (6 tháng đầu năm 2017: kiểm tra 3.588 mẫu nước tiểu, 603 mẫu thịt).

- Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá cơ sở:

+ Kiểm tra đánh giá 2.924 cơ sở giết mổ (trong đó 41 cơ sở xếp loại A, 1.816 cơ sở xếp loại B, 1.067 cơ sở xếp loại C). So với cùng kỳ 2017, số cơ sở được kiểm tra đánh giá giảm 3.052 cơ sở (trong đó loại A giảm 140 cơ sở; loại B giảm 1.190 cơ sở; loại C giảm 1.722 cơ sở)

+ Tái kiểm tra 577 cơ sở giết mổ (trong đó 8 cơ sở lên loại A, 209 cơ sở lên loại B, 360 cơ sở xếp loại C). So với cùng kỳ 2017, số cơ sở được tái kiểm tra tăng 50 cơ sở (trong đó cơ sở lên loại A tăng 7 cơ sở; cơ sở lên loại B tăng 106 cơ sở, cơ sở vẫn xếp loại C giảm 63 cơ sở).

3. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm kiểm tra chuyên ngành

Xây dựng các dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung

- Cục Thú y đang khẩn trương xây dựng và hoàn thiện dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 25-26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và thủy sản theo hướng giảm bớt thủ tục đăng ký, khai báo, thời hạn giải quyết, đối tượng kiểm dịch trình Bộ ban

hành trong quý III/2018, cụ thể:

+ Chi đăng ký, khai báo kiểm dịch ở một đơn vị là Cục Thú y; phương thức tiếp nhận: Gửi đăng ký, khai báo qua Cổng thông tin điện tử quốc gia hoặc thư điện tử;

+ Đối với nhóm sản phẩm động vật trên cạn chế biến sâu và sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh có rủi ro thấp được lấy mẫu theo tần suất. Các sản phẩm động vật trên cạn chế biến sâu rủi ro thấp như: Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt gia súc, gia cầm, trứng gia cầm (thịt hộp, patê, xúc xích, lập xương, giăm bông, hun khói, phơi khô, bột trứng,...); sữa và sản phẩm từ sữa (sữa nguyên liệu, sữa bột hộp, bơ, phô mai,...) và thủy sản đông lạnh, ướp lạnh và đã xử lý nhiệt sẽ được kiểm tra theo tần suất cứ 5 lô chỉ lấy mẫu của 1 lô hàng để xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định.

4. Đề xuất cho phép đưa hàng nhập khẩu về kho (của chủ hàng)

Nếu doanh nghiệp có kho bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y để bảo quản trong thời gian kiểm tra mẫu: Kiểm tra thực tế hồ sơ và hàng hóa tại khu vực cửa khẩu nhập hoặc cảng ICD, nếu đáp ứng yêu cầu thì lấy mẫu xét nghiệm và để chủ hàng vận chuyển hàng về kho (của chủ hàng) và trả lời kết quả trong thời gian 3 ngày làm việc.

5. Đề xuất cắt giảm lệ phí thú y

Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính có nội dung thu lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, với mức thu: 70.000 đồng/lần cấp giấy. Đề xuất không thu lệ phí nêu trên.

Hiện nay, Dự thảo sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25-26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016.

- Đối với thuốc thú y nhập khẩu: Giảm tần suất 5 lô lấy 1 lô để kiểm tra chất lượng (trước đây là 3 lô lấy 1 lô). Hiện dự thảo sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 đã được gửi Vụ Pháp chế thẩm định./.

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY MỘT BÀI BÁO KHOA HỌC, GỬI BÀI VÀ LỆ PHÍ

I. TRÌNH BÀY BÀI BÁO KHOA HỌC (Khổ: A4, cỡ chữ: 12, font chữ: Time New Roman. Tổng số trang của bài báo không vượt quá 10 trang).

1. Tên bài tiếng Việt và tiếng Anh (Title)

- Tên bài nói lên nội dung chính của nghiên cứu, vấn đề muốn giải quyết (khoảng 20 từ).
- Sau tên bài là tên tác giả, đơn vị công tác, email và địa chỉ nhận Tạp chí biểu (trường hợp nhiều tác giả thì ghi tác giả chính trước, sau đó là các đồng tác giả (không quá 6 tên tác giả, nếu quá số đó ghi thêm là "cs"). Đánh dấu số thứ tự bên cạnh tên tác giả để ghi chú đơn vị công tác).

2. Tóm tắt (Summary)

Nêu ngắn gọn (khoảng 150 - 250 từ), tóm tắt nội dung chính của bài báo, thể hiện bao gồm mục đích, phương pháp và kết quả chính của bài báo. Tóm tắt có 2 phần: bằng tiếng Việt và tiếng Anh, dưới có ghi từ khóa (keywords) là những từ quan trọng nói lên được nội dung chính của nghiên cứu và đặc trưng chủ đề của bài báo. Từ khóa không quá dài, khoảng 5 - 7 từ.

3. Mở đầu hoặc Đặt vấn đề (Introduction)

Lý do thực hiện nghiên cứu: xuất phát từ tình hình thực tế, vấn đề đang xảy ra, vấn đề đang tồn tại, vấn đề đã và đang được quan tâm, yêu cầu cần thiết phải được làm rõ, yêu cầu từ thực tiễn sản xuất, thông tin từ các nước khác qua tài liệu, những kiến thức nào đã có trước, những tác giả đã và đang làm về vấn đề này vv...

4. Nội dung, nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu (Contents, Materials and Methods)

4.1. Nội dung nghiên cứu

- Có bao nhiêu nội dung cần nghiên cứu (1, 2, 3, 4 vv...), có tiêu đề của từng nội dung phục vụ cho chủ đề nghiên cứu, phải sắp xếp nội dung nghiên cứu theo logic để dẫn đến kết quả mong muốn của đề tài nghiên cứu.
- Trong nội dung chính có thể có thêm những nội dung phụ.

4.2. Nguyên liệu

- Đối tượng, địa điểm, thời gian và phạm vi nghiên cứu.
- Các nguyên vật liệu, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, môi trường, hóa chất, động vật thí nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Nếu sử dụng các phương pháp chuẩn đã được ban hành, cần ghi rõ ký hiệu phương pháp, ví dụ theo TCVN, ISO hoặc AOAC.... Trong trường hợp tự xây dựng thí nghiệm cần phải mô tả chi tiết, thiết lập bảng biểu và các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá vv...

5. Kết quả và thảo luận (Results and Discussion)

- Mục này trình bày những kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu theo từng nội dung. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị hình vẽ, hình ảnh v.v... nên tập trung phân tích những điểm có thể chưa rõ, những sự giống hoặc khác biệt với kết quả của các tác giả khác trong và ngoài nước hoặc kết quả không như kỳ vọng. Có thể phân tích những lý do nào đã dẫn đến những kết quả đạt được như kỳ vọng hoặc ngược lại vv...
- Diễn giải phân tích kết quả, những ưu điểm và hạn chế, tách bạch rõ ràng dữ liệu và suy luận.

- Mỗi liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó. Chứng minh sự đóng góp của tác giả bổ sung cho lý thuyết và kiến thức, hay điều chỉnh những sai sót của các đề tài nghiên cứu trước đó, hoặc là kết quả đóng góp cho thực tiễn giải quyết được vấn đề đặt ra, hoặc là đưa vào sản xuất diện hẹp, hoặc là chuyển giao công nghệ cho nhà sản xuất vv...

6. Kết luận (Conclusion)

- Kết luận cần rút ra được gì qua kết quả nghiên cứu và biểu thị bằng số liệu định lượng.
- Kết luận chỉ thể hiện kết quả nghiên cứu của tác giả theo nội dung nghiên cứu.
- Kết luận không viết theo kiểu giải thích, hoặc lập lại như phần giới thiệu.
- Kết luận cần ngắn gọn, rõ ràng.

7. Tài liệu tham khảo (Reference)

- Cần viết một số tài liệu tham khảo chính trong và ngoài nước về cùng chủ đề (không quá 10 tài liệu). Ghi rõ tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nguồn tài liệu (tập, số, trang).

II. GỬI BÀI

- Bản thảo là bản điện tử (file mềm) gửi về tòa soạn theo địa chỉ Email: **tckhktthuy@gmail.com**
- Sau khi xuất bản, tác giả chính trong bài sẽ nhận được 1 quyền miễn phí, gửi về tận nơi theo đường bưu điện.

III. LỆ PHÍ

Lệ phí phản biện, đăng bài: **500.000 đ/bài** gửi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:
 Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y: Số 86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
 Số tài khoản: **1300 201 220 282**. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long ./.

MẪU PHIẾU ĐẶT MUA TẠP CHÍ KHKT THÚ Y NĂM 2018

Tên người/đơn vị đặt mua:

Địa chỉ (ghi cụ thể để gửi Tạp chí):

Đặt mua: Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y năm 2018 (1 năm 8 số)

Số lượng mỗi số:quyển x 8 số =quyển

Giá đơn vị: 35.000đ/quyển

Thành tiền: 35.000đ xquyển =đ

(Ghi bằng chữ:)

Tiền đặt mua xin gửi tiền mặt qua bưu điện hoặc chuyển khoản về:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y

86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Tài khoản: **1.300 201 220 282**

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long

Ngày / /2018

Người đặt mua
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Phiếu đặt mua có thể gửi theo bưu điện hoặc qua Email: **tckhktthuy@gmail.com**

- Tòa soạn sẽ gửi tới độc giả đúng số lượng vào địa chỉ như đã đăng ký ở trên theo đường bưu điện.